

**BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC****Thời gian thực hiện: 02 tiết****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
- Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

**2. VỀ NĂNG LỰC**

- Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS.
- Năng lực đặc thù môn lịch sử:
  - + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN.
  - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN; trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
  - + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua kiến thức đã học để rút ra được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

**3. Về phẩm chất**

Bồi dưỡng các phẩm chất như:

- + Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- + Khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu vực, kết nối quá khứ với hiện tại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Giáo viên**

- Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, các tư liệu về Cộng đồng ASEAN (có thể phóng to qua máy chiếu).
- Phiếu học tập cho HS.

**2. Học sinh**

- SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến Cộng đồng ASEAN và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC***a) Mục tiêu*

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về mục tiêu và kế hoạch

xây dựng Cộng đồng ASEAN; những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN, đồng thời, giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

*b) Tổ chức thực hiện*

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1 và trả lời các câu hỏi:

- *Vì sao tất cả các nước thành viên đều chào mừng Cộng đồng ASEAN?*
- *Cộng đồng ASEAN được hình thành như thế nào?*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ, quan sát Hình 1 và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức:**

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

## **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

### **1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN**

*a) Mục tiêu*

Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

*b) Tổ chức thực hiện*

☐ Chuyển giao nhiệm vụ:

***Mục a và b. Ý tưởng và mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN***

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Khai thác các tư liệu 1, 2 và thông tin trong mục, nêu những nét chính về ý tưởng và mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN.*

Nhóm 1, 2: *Khai thác tư liệu 1 và thông tin trong mục, nêu những nét chính về ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.*

Nhóm 3, 4: *Khai thác tư liệu 2 và thông tin trong mục, nêu những nét chính về mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN.*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS trong từng nhóm thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

- HS làm việc cá nhân khai thác thông tin, tư liệu và hình ảnh trong SGK ghi ra giấy những nét chính về ý tưởng hoặc mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét nhận xét câu trả lời của nhóm HS và chốt lại các kiến thức chính:

– Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

+ Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã khởi nguồn từ khi ASEAN thành lập. *Tuyên bố Băng Cốc* (1967) đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình Đông Nam Á.

+ ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997). Các nước thành viên thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, nêu rõ việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN.

+ Với việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội giữa các nước thành viên sẽ được phát triển lên một nấc thang mới, đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.

– Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

+ Đưa ASEAN từ Hiệp hội trở thành một Cộng đồng có mức độ liên kết sâu rộng hơn được thiết lập với ba trụ cột chính là hợp tác Chính trị – An ninh, Kinh tế và Văn hoá – Xã hội trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.

+ Cộng đồng ASEAN có sự tham gia rộng rãi của người dân, đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, đồng thời là một cộng đồng mở rộng hợp tác với bên ngoài.

### ***Mục c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN***

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Trình bày về những nét chính trong kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK ghi ra giấy nội dung chính trong kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt lại các kiến thức chính về kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN:

– Để thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN, các nước thành viên đã thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Chính trị – An ninh, Kinh tế, Văn hoá – Xã hội.

– Kế hoạch được nêu rõ trong văn bản “Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015)” nhằm đưa ASEAN trở thành cộng đồng gắn kết hơn về kinh tế, chính trị – an ninh, có trách nhiệm về xã hội đối với người dân, tăng cường thực hiện các biện pháp mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài, thông qua cơ chế hợp tác khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.

– Năm 2015, ASEAN đã hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng. Ngày 22 – 11 – 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN kể từ ngày 31 – 12 – 2015.

## **2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN**

a) *Mục tiêu*

Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

## *b) Tổ chức thực hiện*

### *\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*

GV chia lớp thành 3 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục, trình bày nội dung chính về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.*

– Nhóm 1: *Khai thác tư liệu 3 và thông tin trong mục, trình bày nội dung chính của Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.*

– Nhóm 2: *Khai thác thông tin trong mục, trình bày nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN.*

– Nhóm 3: *Khai thác tư liệu 4 và thông tin trong mục, trình bày nội dung chính của Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.*

### *\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK ghi ra giấy những nội dung cơ bản của các trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất nội dung cần trình bày.

### *\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

GV lần lượt gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

### *\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức*

GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại các kiến thức chính về kế hoạch xây dựng cộng đồng ASEAN:

– Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC):

+ Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị – an ninh đã đạt được kể từ khi Hiệp hội được thành lập năm 1967.

+ APSC có mục tiêu tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị – an ninh trong ASEAN lên một nấc thang mới, cao hơn và chặt chẽ hơn trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

– Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC):

+ Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi và nâng cao về mức độ hợp tác kinh tế, thương mại nhằm hướng tới một khu vực kinh tế ASEAN có khả năng cạnh tranh cao,...

+ Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm: tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

– Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC):

+ Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là một khuôn khổ hợp tác chặt chẽ, với các quy định và tiêu chuẩn chung để tạo sự hài hoà, bình đẳng và công bằng xã hội, nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

+ Nội dung chính Cộng đồng Văn hoá – Xã hội: Phát triển con người; Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; Bình đẳng xã hội và các quyền; Bảo đảm bền vững về môi trường; Xây dựng bản sắc ASEAN; Thu hẹp khoảng cách phát triển.

+ Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là chân kiềng quan trọng, gắn kết và tạo thuận lợi cho việc xây dựng hai trụ cột: Kinh tế và Chính trị – An ninh.

### **3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN sau năm 2015**

#### *a) Mục tiêu*

- Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.
- HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn cuộc sống, nhận thức đúng về quá trình phát triển của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.

#### *b) Tổ chức thực hiện*

##### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.*

##### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

- HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK ghi ra giấy những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.
- Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến.

##### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

##### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét phần trình bày của nhóm HS, sau đó chốt lại các nội dung chính về những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN:

– Về thách thức: Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với những thách thức trong nội khối và từ bên ngoài.

+ Trong nội khối: Những thách thức cơ bản về chính trị là sự đa dạng về chế độ chính trị, tình hình chính trị ở một số nước còn phức tạp, còn tồn tại một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,... Về kinh tế, sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển,... giữa các nước gây khó khăn trong hợp tác nội khối; sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề cũng tạo ra sự cạnh tranh trong xuất khẩu,...

+ Thách thức từ bên ngoài: Sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực, diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông và tình hình quốc tế; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh,...

+ Để vượt qua những thách thức, các nước ASEAN đã và đang đẩy nhanh quá trình triển khai các kế hoạch đã đề ra vì lợi ích chung, lâu dài của cả cộng đồng.

– Về triển vọng:

+ ASEAN sẽ tiếp tục phát triển với mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu rộng trên cả ba trụ cột, tiếp tục là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới.

+ Về đối ngoại, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, đồng thời có uy tín, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

## C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

### a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã lĩnh hội ở Hoạt động 1, 2; góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

### b) Tổ chức thực hiện

*Câu 1: Tóm tắt nét chính về ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.*

GV cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện yêu cầu: *Tóm tắt nét chính về ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN*

#### \* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ, có thể lập sơ đồ tư duy hoặc bảng tóm tắt.

#### \* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1- 2 HS trình bày sản phẩm học tập của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

#### \* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

*Câu 2. Lập bảng thống kê theo gợi ý dưới đây về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.*

#### \* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện yêu cầu: *Lập bảng thống kê về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.*

#### \* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào nội dung đã được học để hoàn thành bảng thống kê vào vở.

#### \* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về bảng thống kê bằng bảng kiểm sau:

**BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ**

| STT | Nội dung                                                           | Đánh giá<br>(Có hoặc Không) |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.                             |                             |
| 2   | Đúng, đủ các tên ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.                   |                             |
| 3   | Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. |                             |

#### \* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

## D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

### a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS biết sưu tầm, khai thác tư liệu cũng như biết vận dụng kiến

thức đã học, trải nghiệm của bản thân để viết bài giới thiệu; góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

*b) Tổ chức thực hiện*

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách báo, internet và vận dụng kiến thức đã học, hãy viết một bài giới thiệu ngắn về những hoạt động của em để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển.*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS dựa vào kiến thức đã học và gợi ý của GV, tìm hiểu thêm thông tin từ sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS sẽ báo cáo bài giới thiệu trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

– GV nhận xét và chuẩn kiến thức cho HS.

– Lưu ý: Đây là nhiệm vụ học tập mang tính mở, vì vậy việc đánh giá của GV đối với HS cũng cần thể hiện tính mở.

*Gợi ý:* HS viết được đoạn giới thiệu ngắn thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò của bản thân đối với sự phát triển của Cộng đồng ASEAN. Từ đó, HS có thể nêu ra được những việc làm cụ thể (như: tham gia tìm hiểu, tuyên truyền tầm quan trọng của việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, nâng cao nhận thức về ASEAN,...) để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển.

TIẾT 13

Ngày soạn 6/10/2024

**THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 2**

## **I. Mục tiêu**

### **1. Kiến thức**

– Nắm và trình bày sự ra đời và phát triển, ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN

### **1. Về năng lực**

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về ASEAN.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử và quá trình thành lập của ASEAN; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của

ASEAN tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân phát triển văn hoá, xã hội...trong khu vực

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải thích về ASEAN

Về phẩm chất

Có ý thức trân trọng vai trò ASEAN với khu vực và Việt Nam Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử thế giới, kết nối quá khứ với hiện tại.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### **1. Giáo viên**

- Kế hoạch dạy học
- Tư liệu lịch sử: các hình ảnh
- Phiếu học tập cho HS....

### **2. Học sinh**

- SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

## **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

-GV nhắc lại nội dung đã giao ở tiết trước: *Gợi ý*: HS viết được đoạn giới thiệu ngắn thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò của bản thân đối với sự phát triển của Cộng đồng ASEAN. Từ đó, HS có thể nêu ra được những việc làm cụ thể (như: tham gia tìm hiểu, tuyên truyền tầm quan trọng của việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, nâng cao nhận thức về ASEAN,...) để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển.

-HS đại diện nhóm-tổ lên báo cáo sản phẩm

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

-GV nhận xét, đánh giá, ghi điểm

## CHỦ ĐỀ 3

### CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

TIẾT 14,15 Ngày soạn 6/10/2024

#### BÀI 6. CÁCH MẠNG THÁNG NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 02 tiết

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức

- Trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

##### 2. Về năng lực

- Năng lực chung:
  - + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
  - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
  - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
  - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám năm 1945.
  - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được bối cảnh, diễn biến chính; nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và phân tích được ý nghĩa, bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
  - + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để rút ra ý nghĩa và bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập.

##### 3. Về phẩm chất

Góp phần bồi dưỡng các phẩm chất chủ yếu:

- Yêu nước thông qua việc có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.
- Chăm chỉ thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập.
- Trách nhiệm thể hiện trong việc tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Giáo viên

- Lược đồ diễn biến về Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám:
- + Các hình ảnh, đoạn trích tư liệu liên quan nội dung bài học.
- + Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,... như: đoạn trích của bộ phim điện ảnh *Sao tháng Tám* hoặc bộ phim tư liệu *Ngày Độc lập 2 – 9 – 1945*,...
- Phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu,...

## 2. Học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tư liệu liên quan đến bài học theo hướng dẫn của GV.

## III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

#### a) Mục tiêu

- HS hình dung được một cách khái quát các nội dung cơ bản liên quan đến bài học (như bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945).
- Tạo tâm thế, kích thích được sự hứng thú, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới của HS, định hướng nhiệm vụ cho HS trong bài học mới.

#### b) Tổ chức thực hiện

##### \* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức hoạt động cá nhân, yêu cầu HS quan sát hình *Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội)*, đọc thông tin liên quan trong SGK và trả lời câu hỏi:

- Hình ảnh trên cho em biết điều gì về thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945?
- Vì sao nói cuộc cách mạng này là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc?

##### \* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

##### \* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi theo ý hiểu của mình.

##### \* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Ở các câu hỏi này, GV không nhận xét, đánh giá. Căn cứ vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

### B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

##### a) Mục tiêu

Trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

##### b) Tổ chức thực hiện

##### \* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 (hoặc nhóm 8) và thực hiện nhiệm vụ:

- Xem đoạn phim video về thời cơ trong Cách mạng tháng Tám (<https://www.>

youtube.com/watch?v=N5lceZLpyiY), trước khi xem sẽ giao nhiệm vụ cho HS: *Hãy ghi lại những thông tin cho biết bối cảnh, thời cơ dẫn đến Cách mạng tháng Tám.*

– HS đọc thông tin trong SGK, kết hợp với thông tin đã thu được từ việc xem đoạn video ở trên để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân:

+ Xem video và ghi lại những thông tin về bối cảnh, thời cơ dẫn đến Cách mạng tháng Tám.

+ Đọc thông tin trong SGK ghi lại những nội dung về bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám ra giấy.

– Sau đó, thảo luận với các bạn trong nhóm về bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và thống nhất cách trình bày.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phân làm việc, phân trả lời câu hỏi của các nhóm và chốt kiến thức cho HS: Bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945:

– Thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Đến ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.

– Trong nước:

+ Từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước, góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

+ Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố *Quân lệnh số 1*, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

+ Ngày 14, 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

+ Ngày 16, 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

---> “Thời cơ ngàn năm có một” cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền xuất hiện.

## **2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945**

a) Mục tiêu:

Trình bày được diễn biến chính của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

\* Chuyển giao nhiệm vụ:

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Đọc thông tin trong SGK, hoàn thành Phiếu học tập về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

## PHIẾU HỌC TẬP

Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám 1945

| Thời gian          | Diễn biến chính                                                                                                                         |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày 16 – 8 – 1945 | Đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đường tiến về Hà Nội. |
| ?                  | ?                                                                                                                                       |

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK để hoàn thành Phiếu học tập.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS lên bảng sử dụng lược đồ treo tường và kết quả trong Phiếu học tập để trình bày diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt nội dung chính về diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945:

+ Đến giữa tháng 8 – 1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước. Từ ngày 14 – 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa..

+ Ngày 18 – 8 – 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam đã giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

+ Khởi nghĩa giành chính quyền ở các đô thị lớn: Hà Nội (19 – 8), Huế (23 – 8), Sài Gòn (25 – 8).

+ Từ ngày 25 đến ngày 28 – 8 – 1945, các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi, nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa... Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai địa phương giành thắng lợi cuối cùng.

+ Ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

+ Ngày 2 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố với nhân dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

### 3. Hoạt động 3. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

b) Tổ chức thực hiện

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ riêng cho từng nhóm theo 3 yêu cầu như sau:

+ Nhóm 1, 2: Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp với SGK, trình bày nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

*“Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng, do sự đoàn kết và hăng hái của toàn dân trong và ngoài Mặt trận Việt Minh, cuộc Cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi. Các đồng chí, chẳng những giai cấp*

*lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.*

(Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 25)

+ Nhóm 3, 4: Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp với SGK, phân tích ý nghĩa lịch sử (trong nước và thế giới) của Cách mạng tháng Tám.

*“Cách mạng tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập, tự do. Song, vì nó chống phát xít Nhật và bọn phong kiến phản động, tay sai của phát xít Nhật, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ thế giới chống phát xít xâm lược, nên nó cũng có tính chất dân chủ.”*

(Trường Chinh, Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Tập I, NXB Sự thật, 1975, tr. 384)

+ Nhóm 5, 6: Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp với SGK, rút ra bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám.

*“Bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng tỏ vai trò lãnh đạo quyết định của Đảng. Vào thời điểm trước khi Tổng khởi nghĩa, số lượng đảng viên của Đảng chỉ có vài nghìn người, nếu tính theo tỷ lệ dân số cả nước thì con số đó quả là ít ỏi. Vậy vấn đề đặt ra là vì sao Đảng lúc đó chỉ có ít đảng viên như vậy lại có thể lãnh đạo toàn thể nhân dân đứng lên giành chính quyền? Câu trả lời là Đảng đã thực sự trở thành đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thông qua đường lối, chủ trương rõ ràng, đúng đắn, xuất phát từ thực tế tình hình, và mọi hoạt động của Đảng đều nhằm mục đích đem lại độc lập, tự do cho dân tộc và quyền lợi thiết thực, cụ thể cho mỗi người dân”*

(Nguyễn Mạnh Hà, Bài học của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với công cuộc Đổi mới, Tạp chí Cộng sản, số 814, 2010, tr. 27 – 31)

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong SGK và tư liệu được cung cấp, thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi đại diện 3 nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận và trình bày trước lớp về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học của Cách mạng tháng Tám.

– Các nhóm HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt lại kiến thức cơ bản:

– Nguyên nhân thắng lợi:

+ Chủ quan: đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng; truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân; quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo.

+ Khách quan: thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng trước quân phiệt Nhật Bản.

– Ý nghĩa lịch sử:

+ Trong nước:

Đây là sự kiện lịch sử vĩ đại, đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp, quân phiệt Nhật Bản, chấm dứt

thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cách mạng tháng Tám đã đánh dấu một bước tiến nhảy vọt trong lịch sử dân tộc: mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Cuộc cách mạng đã chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

+ Quốc tế: Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

- Bài học lịch sử:
- + Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
- + Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
- + Bài học về nắm bắt thời cơ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hệ thống hoá lại các sự kiện chính trong diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. *Lập trục thời gian (theo ý tưởng của em) về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV có thể cho HS thực hiện khi tổ chức dạy học mục 2.
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: *Lập trục thời gian về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào thông tin trong SGK để hoàn thành trục thời gian.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về trục thời gian bằng bảng đánh giá theo tiêu chí như sau:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRỤC THỜI GIAN CỦA HỌC SINH

| STT | Tiêu chí  |                                                          | Điểm |
|-----|-----------|----------------------------------------------------------|------|
| 1   | Nội dung  | - Các sự kiện được sắp xếp đúng theo trật tự thời gian.  | 1    |
|     |           | - Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác                   | 3    |
|     |           | - Bố cục mạch lạc, lô-gic                                | 1    |
| 2   | Hình thức | - Trình bày theo đúng dạng của sơ đồ trục thời gian      | 2    |
|     |           | - Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn                    | 1    |
|     |           | - Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin | 2    |

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 theo nội dung trong SGK.

Gợi ý: Các sự kiện chính gồm: các địa phương giành chính quyền đầu tiên, thắng lợi ở các đô thị lớn, các địa phương giành chính quyền cuối cùng và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 2. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt và để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. Hãy dựa vào kiến thức trong bài học để làm rõ nhận định trên.

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để làm rõ nhận định: *Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt và để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc Việt Nam.*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, đưa ra những lập luận để bày tỏ quan điểm của mình.

– HS báo cáo kết quả làm việc vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả làm việc. Các HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức cho HS.

Gợi ý:

– Với luận điểm *Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt*, HS cần làm rõ được: Cuộc cách mạng đã xoá bỏ hoặc lật đổ cái cũ gì? Đã thiết lập cái mới gì? (Đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm, chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân,...; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà).

– Với luận điểm *Cách mạng tháng Tám năm 1945 để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc*, cần làm rõ được: Bài học về sự lãnh đạo của Đảng (Đảng là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Do đó, Đảng phải có đường lối đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo cách mạng); Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc (Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với vai trò quan trọng của Mặt trận Việt Minh trong tập hợp, tổ chức và đoàn kết toàn dân. Thực tiễn đó cho thấy, cần có các hình thức phong phú, sáng tạo để tập hợp, tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc); Bài học về nắm bắt thời cơ (Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cho thấy cần xác định đúng thời cơ, chủ động và mau lẹ chớp thời cơ hành động nhằm đưa cách mạng đến thành công).

## D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao, bồi dưỡng năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Vận dụng kiến thức đã học, nêu những bài học kinh nghiệm từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để trả lời câu hỏi.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phân vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS và gợi ý một số bài học như sau:

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng (Đảng đề ra đường lối đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay);
- Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tập hợp, tổ chức và đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc với phương châm: *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*),...

Tiết 16,17

Ngày soạn 14/10/2024

## **BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954) Thời gian thực hiện: 02 tiết**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức**

- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

#### **2. Về năng lực**

- Năng lực chung:
  - + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
  - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
  - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
  - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, tìm hiểu và sử dụng tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).
  - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954); nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

#### **3. Về phẩm chất**

- Yêu nước: ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

- Các lược đồ: chiến dịch Việt Bắc năm 1947, chiến dịch Biên giới năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (treo tường hoặc phóng to bằng máy chiếu).
- Tư liệu lịch sử:
  - + Các hình ảnh, tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954).
  - + Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) như: *Cuộc chiến giữa hổ và voi*, *Việt Nam – trên đường thắng lợi*, ... Các bộ phim điện ảnh như: *Hà Nội mùa đông 1946*, *Hoa ban đỏ*, *Kỉ ức Điện Biên*, *Đường lên Điện Biên*, ...
- Phiếu học tập cho HS.
- Máy tính, máy chiếu, ...

### 2. Học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

#### a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

#### b) Tổ chức thực hiện

□ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát Hình 1. Tượng đài “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” (Hà Nội) để trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì hình tượng các nhân vật của tượng đài “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”?*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học và nêu yêu cầu định hướng của bài học: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trong bối cảnh lịch sử nào, diễn biến ra sao? Vì sao cuộc kháng chiến giành thắng lợi? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

### B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

### a) Mục tiêu

HS biết khai thác hình ảnh, tư liệu lịch sử để tìm hiểu và trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954), góp phần phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức và tư duy lịch sử.

### b) Tổ chức thực hiện

#### \* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu: *Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử (thuận lợi, khó khăn) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).*

#### \* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cặp đôi theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân khai thác thông tin, ghi lại những nét chính về bối cảnh lịch sử (thuận lợi, khó khăn) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Sau đó, HS thảo luận cặp đôi về những nét chính về bối cảnh lịch sử (thuận lợi, khó khăn) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) để thống nhất câu trả lời.

#### \* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

#### \* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS, chốt lại các kiến thức chính về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

– Thế giới:

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

+ Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở các nước tư bản.

+ Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và tình trạng chiến tranh lạnh cũng tác động to lớn đến tình hình Việt Nam.

– Trong nước:

+ Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng những quyền lợi do chế độ mới mang lại nên đồng lòng ủng hộ cách mạng.

+ Tuy nhiên, cách mạng Việt Nam cũng đứng trước những thử thách to lớn như: Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam, các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng, trên đất nước vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp,...

+ Trong khi đó, chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, những tàn dư của chế độ cũ còn hết sức nặng nề.

Trong bối cảnh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chính phủ Pháp quyết định thành lập một đạo quân viễn chinh, đồng thời cử Đắc-giăng-li-ơ làm Cao uỷ ở Đông Dương nhằm thực hiện dã tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa.

#### \* Bước 5: Mở rộng

GV có thể phân tích thêm tình hình “ngàn cân treo sợi tóc” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, đã mở ra một kỉ nguyên độc lập trong lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, nền độc lập của Việt Nam chưa được quốc gia nào công nhận.

– Không những thế, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá từ nhiều phía. Với danh nghĩa giải giáp vũ khí quân

đội Nhật Bản, quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào và đóng quân ở hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt – Trung đến vĩ tuyến 16. Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, hơn 1 vạn quân Anh kéo vào, dọn đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Tình hình còn nghiêm trọng hơn ở miền Bắc vì ý đồ trở lại xâm chiếm Việt Nam của thực dân Pháp ngày càng lộ rõ. Ngoài ra, trên cả nước còn hơn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp. Theo chân quân đội nước ngoài là các tổ chức phản động.

– Chính quyền cách mạng mới ra đời còn non trẻ. Nạn đói vẫn chưa được khắc phục. Hàng hoá khan hiếm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Di sản văn hoá lạc hậu của chế độ cũ rất nặng nề, tệ nạn xã hội còn phổ biến. Ngân sách Nhà nước hầu như trống rỗng.

## **2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)**

### *a) Mục tiêu*

Trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

### *b) Tổ chức thực hiện*

#### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu trước nội dung trong SGK và chuẩn bị nội dung để trình bày về diễn biến một giai đoạn của cuộc kháng chiến:

– *Nhóm 1:* Trình bày về cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.

– *Nhóm 2:* Trình bày về những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950).

– *Nhóm 3:* Trình bày về bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953).

– *Nhóm 4:* Trình bày về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954).

#### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Nhóm HS làm việc theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, ghi lại diễn biến chính của giai đoạn mà nhóm mình được phân công ra giấy.

– Thảo luận với các bạn trong nhóm để thống nhất nội dung và cách thức trình bày.

#### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi lần lượt đại diện từng nhóm HS báo cáo về nhiệm vụ được giao.

#### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét phần làm việc của các nhóm HS, chốt lại các kiến thức chính:

– *Kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945)*

+ Ngày 2 – 9 – 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng “Ngày Độc lập”, quân Pháp đã bất ngờ xả súng vào đồng bào ta. Đêm 22, rạng sáng 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

+ Trước tình hình đó, ngày 23 – 9 – 1945, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập. Quân dân Nam Bộ ra sức củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và tổ chức chiến đấu nhằm kìm chân quân Pháp trong các thành phố, thị xã ở phía Nam vĩ tuyến 16. Đảng và Chính phủ đã huy động cả nước chi viện cho Nam Bộ. Các đơn vị “Nam tiến” được thành lập và khẩn trương lên đường vào Nam chiến đấu.

+ Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ bước đầu làm thất bại âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp.

– *Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)*

+ Mặc dù Chính phủ Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí hoà bình nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại những điều đã kí kết, đẩy mạnh xâm lược cả nước ta. Ngày 18 – 12 – 1946, thực dân Pháp gửi tới hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đòi giải tán lực lượng chiến đấu và để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Trước tình hình đó, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

+ Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi quân sự tiêu biểu:

Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16: diễn ra từ ngày 19 – 12 – 1946 đến ngày 17 – 2 – 1947 ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,... đặc biệt là ở Hà Nội. Kết quả là đã giam chân quân Pháp ở Hà Nội và các thành phố, thị xã; lực lượng quân chủ lực của ta đã chủ động rút lui an toàn ra căn cứ kháng chiến. Cuộc chiến đấu đã làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, củng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947: diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Kết quả là sau hai tháng, đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc; cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn; bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành. Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950: diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. Kết quả là sau gần một tháng, quân ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng Hành lang Đông – Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp. Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam. Từ đây, quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

– *Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951 – 1953)*

+ Tháng 2 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một Đảng Mác – Lê-nin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam và khẳng định, bổ sung, hoàn chỉnh đường lối kháng chiến.

+ Ngày 3 – 3 – 1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) ra đời trên cơ sở hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

+ Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động, đã trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến và đời sống nhân dân. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển.

+ Tháng 12 – 1953, Quốc hội thông qua Luật Cải cách ruộng đất và quyết định tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

+ Quân đội Việt Nam liên tiếp mở những chiến dịch tiến công, tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường như: ba chiến dịch là Trần Hưng Đạo (Trung du), Hoàng Hoa Thám (Đường số 18), Quang Trung (Hà – Nam – Ninh) (từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951); sau đó là chiến dịch Hoà Bình (đông – xuân 1951 – 1952), chiến dịch Tây Bắc (thu – đông năm 1952), chiến dịch Thượng Lào (xuân – hè năm 1953).

– *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)*

+ Được sự thoả thuận của Mỹ, tháng 7 – 1953, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Na-va với hi vọng

trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

+ Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va, đồng thời chuẩn bị về vật chất và tinh thần để mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

+ Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ trải qua 56 ngày đêm (từ ngày 13 – 3 – 1954 đến ngày 7 – 5 – 1954) với ba đợt.

Đợt 1: từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954, quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.

Đợt 2: từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954, quân ta tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.

Đợt 3: từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954, quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 – 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp phải đầu hàng.

+ Ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ:

Tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương (21 – 7 – 1954).

Buộc thực dân Pháp phải rút quân về nước, Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Tạo điều kiện để miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.

### **3. Hoạt động 3: Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)**

#### *a) Mục tiêu*

– Trình bày được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

#### *b) Tổ chức thực hiện*

#### **Mục a. Nguyên nhân thắng lợi**

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV sử dụng kĩ thuật “chia sẻ nhóm đôi” (think–pair–share), cho HS thảo luận và hoàn thành nội dung theo Phiếu học tập.

#### **PHIẾU HỌC TẬP**

*Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)*

| <b>Nguyên nhân thắng lợi</b> | <b>Nội dung</b> |
|------------------------------|-----------------|
| Chủ quan                     | ?               |
| Khách quan                   | ?               |

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, chia sẻ nhóm đôi, sau đó thống nhất nội dung trình bày trong Phiếu học tập.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi thuyết trình nội dung Phiếu học tập trước lớp. Các HS khác nhận xét

và bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét phần trình bày của cặp đôi và chốt lại nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):

– Nguyên nhân chủ quan:

+ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

+ Toàn dân, toàn quân đã phát huy được tinh thần yêu nước, đoàn kết, sáng tạo trong chiến đấu và sản xuất. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất không ngừng được củng cố và mở rộng; lực lượng vũ trang được xây dựng không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

– Nguyên nhân khách quan:

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được tiến hành với sự ủng hộ, đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân Lào và Cam-pu-chia trong Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

+ Cuộc kháng chiến nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

**Mục b. Ý nghĩa lịch sử**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác Tư liệu 3 và đọc thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

– HS tìm những cụm từ trong tư liệu thể hiện ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

– Sau đó, HS khai thác thông tin trong mục để phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét và bổ sung.

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954):

– Ý nghĩa trong nước:

+ Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.

+ Bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để nhân dân Việt Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

– Ý nghĩa quốc tế:

+ Giáng đòn nặng nề vào tham vọng của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Cùng với nhân dân Lào và Cam-pu-chia, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn cõi Đông Dương, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới, tăng cường ảnh hưởng của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội và các phong trào tiên bộ.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố lại kiến thức và có kỹ năng xâu chuỗi các sự kiện để nhận thức các mốc chính trong diễn biến của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng thống kê (theo gợi ý vào vở) về diễn biến chính của mỗi giai đoạn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954).*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học cũng như nội dung bài học để hoàn thành bảng thống kê.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về bảng thống kê bằng bảng kiểm sau: BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

| STT | Nội dung                                                                                                                                | Đánh giá<br>(Có hoặc Không) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.                                                                                                  |                             |
| 2   | Đúng, đủ các giai đoạn, thời gian của các giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Pháp.                                                    |                             |
| 3   | Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về diễn biến chính của các giai đoạn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954). |                             |

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.

**Câu 2.** Theo em, vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh?

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận để trả lời câu hỏi: *Vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh?*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm ở nhà, dựa vào những kiến thức đã học trong bài, thảo luận để đưa ra được những lý do vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của mình. Các nhóm HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.

– Lưu ý: Câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.

*Gợi ý:* Nội dung giải thích cần thể hiện rõ hai ý:

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã làm suy yếu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc;

+ Thắng lợi của Việt Nam trước thực dân Pháp – một dân tộc thuộc địa nhỏ đánh thắng một đế quốc lớn đã tạo niềm tin cho các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc khác ở châu Á, Phi, Mỹ La-tinh quyết tâm đấu tranh giành độc lập như: vào những năm 60 của thế kỉ XX, châu Phi được ví như “lục địa bùng cháy”, khu vực Mỹ La-tinh được ví như “lục địa bùng cháy”,...

## **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

### *a) Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS biết sưu tầm tư liệu để xây dựng một bài giới thiệu ở mức độ đơn giản, củng cố năng lực tự tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.

### *b) Tổ chức thực hiện*

#### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, giới thiệu về một di tích, một thắng lợi quân sự hoặc một danh nhân ở địa phương em liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).*

#### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS dựa vào kiến thức đã học và thông tin tìm hiểu từ sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

#### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS sẽ báo cáo bài giới thiệu trước lớp, vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

#### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.

– Lưu ý: Câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.

*Gợi ý:* HS trình bày bài giới thiệu theo dàn ý sau:

– Tên thắng lợi quân sự hoặc danh nhân ở địa phương em liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Diễn biến của thắng lợi quân sự hoặc đóng góp, vai trò của danh nhân.

– Cảm nghĩ của em.

Tiết 18

KIỂM TRA GIỮA KÌ I(Theo lịch chung)

MA TRẬN, NỘI DUNG ÔN TẬP, ĐỀ KT  
(THỐNG NHẤT)

TIẾT 19,20,21

Ngày soạn 22/10/2024

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

Thời gian thực hiện: 03 tiết

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Về kiến thức**

- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

## 2. Về năng lực

- Năng lực chung:
  - + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
  - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
  - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực đặc thù:
  - + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
  - + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

## 3. Về phẩm chất

- Yêu nước: có ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước;
- Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

- Tư liệu lịch sử gồm:
  - + Các hình ảnh, các tư liệu về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở trong SGK hoặc sưu tầm thêm (có thể phóng to qua máy chiếu).
  - + Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,... về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. GV có thể tham khảo một số bộ phim tài liệu như: *Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh – Biên niên sử truyền hình*, *Việt Nam cuộc chiến 10 000 ngày*, *Việt Nam thiên lịch sử truyền hình*, *Việt Nam 1972*, chương trình *Góc chuyện xưa* của Truyền hình Nhân dân.
- Phiếu học tập cho HS.

### 2. Học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử 12 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

#### a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

*b) Tổ chức thực hiện*

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát “Hình 1. Bức ảnh Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị” (Đoàn Công Tính chụp) để trả lời câu hỏi: *Em có suy nghĩ gì về hình ảnh đó?*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong phần Mở đầu và dựa vào hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học và nêu yêu cầu định hướng của bài học: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào, trải qua mấy giai đoạn? Theo em, vì sao nhân dân Việt Nam có thể tiến hành kháng chiến thành công? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc và thời đại?

## **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

### **1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)**

*a) Mục tiêu*

Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

*b) Tổ chức thực hiện*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, xem một đoạn phim tư liệu trong bộ phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*, sau đó đọc thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem đoạn phim và khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS, sau đó chốt lại bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai miền Nam Việt Nam. Âm mưu của Mỹ là chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở khu vực này.

– Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện

hoà bình, thống nhất nước nhà.

– Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tuy nhiên, sự đối đầu giữa hai phe: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột mà đỉnh cao là Chiến tranh lạnh đã tác động rất lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

## **2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)**

### *a) Mục tiêu*

Trình bày được các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

### *b) Tổ chức thực hiện*

#### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức HS làm việc nhóm, chia cả lớp thành 5 nhóm, giao cho mỗi nhóm chuẩn bị nội dung thuyết trình về một giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước theo những gợi ý trong Phiếu học tập sau.

### **PHIẾU HỌC TẬP**

*Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn .....*

|          | <b>Những nét chính</b> | <b>Ý nghĩa</b> |
|----------|------------------------|----------------|
| Miền Bắc | ?                      | ?              |
| Miền Nam | ?                      | ?              |

– Nhóm 1: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1960.*

– Nhóm 2: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1961 – 1965.*

– Nhóm 3: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1968.*

– Nhóm 4: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1969 – 1973.*

– Nhóm 5: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1973 – 1975.*

#### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

– Từng HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để chuẩn bị nội dung những nét chính về giai đoạn mà nhóm được phân công tìm hiểu.

– Sau đó, cả nhóm thảo luận để hoàn thành nội dung Phiếu học tập.

– Nhóm phân công người thuyết trình Phiếu học tập dựa vào nội dung đã chuẩn bị ở phiếu đó.

#### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV tổ chức cho 5 nhóm HS lần lượt thuyết trình. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung (nếu có).

#### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm và chốt kiến thức cho HS về nội dung các giai đoạn chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

### **Giai đoạn 1954 – 1960:**

– *Miền Bắc:*

+ Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.

+ Thành tựu đạt được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

– *Miền Nam:*

+ Đấu tranh chống Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi.

+ Tháng 1 – 1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 của Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: ngoài con đường sử dụng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác. Nghị quyết đã thổi bùng lên phong trào Đồng khởi (1959 – 1960).

+ Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Giai đoạn 1961 – 1965:**

– *Miền Bắc:*

+ Nhân dân miền Bắc tiến hành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) với nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân,...

+ Thành tựu đạt được làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) do Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai.

+ Trên mặt trận chính trị, phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

+ Trên mặt trận chống bình định, nhân dân miền Nam đã làm phá sản “quốc sách” lập “áp chiến lược” của Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Trên mặt trận quân sự, chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận, thiết xa vận”, chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dấy lên khắp miền Nam.

+ Trong những năm 1964 – 1965, những thắng lợi về quân sự đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

**Giai đoạn 1965 – 1968:**

– *Miền Bắc:*

+ Sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (8 – 1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 – 1965).

+ Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

+ Trên mặt trận chính trị, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều “áp chiến lược”. Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi.

+ Với ý chí “Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược”, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi ở Vạn Tường (18 – 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến

lược “Chiến tranh cục bộ” về quân sự. – Quân dân miền Nam tiếp tục đập tan cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam xuân Mậu Thân năm 1968, trọng tâm là ở các đô thị đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

### **Giai đoạn 1969 – 1973:**

– *Miền Bắc:*

+ Tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

+ Chủ động, kịp thời đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972). Thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ.

+ Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam. –

+ Trong những năm 1970 – 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị.

+ Từ tháng 3 – 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, chọc thủng ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

### **Giai đoạn 1973 – 1975:**

– *Miền Bắc:*

Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước. Nhân dân miền Bắc bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

– *Miền Nam:*

+ Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn “cố vấn” quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri.

+ Tháng 7 – 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 nhấn mạnh: Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

+ Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh).

+ 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

### **3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước**

a) *Mục tiêu*

– Trình bày được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

## *b) Tổ chức thực hiện*

### **Mục a. Nguyên nhân thắng lợi**

#### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin trong mục, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

#### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin trong SGK và thông tin mở rộng ở mục Em có biết, ghi ra giấy những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.

#### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

#### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc các cặp đôi, chốt lại các kiến thức chính về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phát triển không ngừng nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, kết hợp một cách đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

– Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng.

– Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

– Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới,...

### **Mục b. Ý nghĩa lịch sử**

#### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, Tư liệu 2 trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

#### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác Tư liệu 2 để tìm ra những cụm từ thể hiện ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và ghi ra giấy.

– Sau đó, kết hợp với thông tin trong mục và hiểu biết của mình để hoàn thành nhiệm vụ.

#### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV có thể gọi 1 – 2 HS phân tích một ý nghĩa lịch sử. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

#### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét, đánh giá và phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Đối với Việt Nam:

+ Đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.

+ Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Đối với quốc tế:

+ Góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

#### a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố lại kiến thức và có kĩ năng xâu chuỗi các sự kiện để nhận thức các mốc chính trong các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

#### b) Tổ chức thực hiện

**Câu 1.** *Lập sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc nhóm ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– Nhóm HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

– Từng HS trong nhóm sẽ chuẩn bị trước nhiệm vụ của mình.

– Cả nhóm cùng thảo luận, thống nhất mẫu sơ đồ tư duy, những nội dung cần thể hiện trong sơ đồ tư duy.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

#### TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

| STT | Tiêu chí  |                                                          | Điểm |
|-----|-----------|----------------------------------------------------------|------|
| 1   | Nội dung  | - Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác                   | 3    |
|     |           | - Bố cục mạch lạc, lô-gic                                | 2    |
| 2   | Hình thức | - Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn                    | 3    |
|     |           | - Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin | 2    |

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại kiến thức cho HS.

*Gợi ý:* Sơ đồ tư duy phải thể hiện được các giai đoạn của cuộc kháng chiến là 1954 – 1960, 1961 – 1965; 1965 – 1968; 1969 – 1973 và 1973 – 1975. Với mỗi giai đoạn, HS nên chia thành hai nhánh: miền Bắc và miền Nam.

**Câu 2.** *Hãy nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.*

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

– HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, lựa chọn một số sự kiện thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

– Với mỗi sự kiện, HS lí giải vì sao sự kiện đó được đánh giá là mốc đánh dấu một bước ngoặt phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS nộp lại bài cho GV vào đúng thời gian theo yêu cầu của GV.

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

*Gợi ý:* Một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) như: phong trào Đồng khởi (1959 – 1960); cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (1972) dẫn đến Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973); Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Với mỗi sự kiện, HS cần lí giải được vì sao sự kiện đó được đánh giá là mốc đánh dấu một bước ngoặt phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

## **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.

**b) Tổ chức thực hiện**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

– GV tổ chức HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ phần Vận dụng:

**Câu 1.** *Hãy sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet xây dựng bài giới thiệu (theo ý tưởng của em) về một trong hai chủ đề sau:*

a. *Về một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

b. *Về một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới.*

**Câu 2.** *Nêu những việc em có thể làm để thể hiện lòng biết ơn đối với các thương binh, liệt sĩ và những người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

– HS dựa vào gợi ý của GV lựa chọn và thực hiện nhiệm vụ.

– HS tìm hiểu thêm hình ảnh, thông tin từ sách, báo hoặc internet để cho bài viết của mình sinh động và có tính thuyết phục.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV cho HS nộp lại sản phẩm học tập vào đúng thời gian yêu cầu của GV.

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV đánh giá sản phẩm của HS và chốt lại nội dung theo hướng mở.

*Gợi ý:*

**Câu 1:**

a. Với yêu cầu giới thiệu về sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng, HS trình bày theo dàn ý sau:

- + Tên sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu.
- + Nội dung của sự kiện hoặc đóng góp, vai trò của nhân vật lịch sử.
- + Vì sao em lại chọn sự kiện, nhân vật lịch sử đó?

b. Với yêu cầu giới thiệu một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới, HS trình bày theo dàn ý sau:

- + Tên phong trào.
- + Phong trào diễn ra ở đâu? Thời gian nào? + Ai hoặc tổ chức nào lãnh đạo?
- + Mục đích của phong trào.
- + Kết quả, ý nghĩa của phong trào?
- + Vì sao em lại chọn phong trào đó?

**Câu 2:** HS xây dựng kế hoạch và thực hiện vệ sinh ở nghĩa trang liệt sĩ; giúp đỡ, quan tâm đến các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công; tìm kiếm thông tin về liệt sĩ chưa biết tên,...

**Tiết 22,23**

**Ngày soạn 5/11/2024**

**BÀI 9. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Về kiến thức**

– Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

– Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

### **2. Về năng lực**

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay; nêu được ý nghĩa lịch sử và những bài học cơ bản của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

### 3. Về phẩm chất

– Yêu nước: Tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông ta trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử.

– Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

– Tư liệu lịch sử gồm:

+ Các hình ảnh, tư liệu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay: *Biên niên sử truyền hình (tập năm 1978, 1979, 1988)*; *Cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc: tự hào một dải biên cương* (của Đài Truyền hình kĩ thuật số VTC); *Kỉ niệm 45 năm ngày chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc* (của Kênh VTV4 – Đài Truyền hình Việt Nam)...

– Phiếu học tập cho HS.

– Máy tính, máy chiếu...

### 2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

#### a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay cũng như đúc rút được một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

#### b) Tổ chức thực hiện

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: Quan sát Hình 1 và trả lời các câu hỏi:

– *Hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì?*

– *Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ và dựa

vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV lần lượt gọi 1 – 2 HS trả lời từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào phần trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

## B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Mục tiêu

Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 4 – 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

GV cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 4 – 1975 đến nay và hoàn thành Phiếu học tập.

#### PHIẾU HỌC TẬP

*Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975*

| Bối cảnh   | Thuận lợi | Khó khăn |
|------------|-----------|----------|
| Trong nước |           |          |
| Quốc tế    |           |          |

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK, ghi lại một số ý chính về bối cảnh trong nước và quốc tế ra giấy.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất nội dung và điền vào Phiếu học tập.

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày trước lớp theo nội dung đã chuẩn bị trong Phiếu học tập và các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nội dung chính về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975:

– Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Việt Nam chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Tuy nhiên, hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.

– Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.

### 2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Mục tiêu

Trình bày được diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

*b) Tổ chức thực hiện*

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một nội dung thuyết trình về diễn biến của một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

- Nhóm 1: *Trình bày về cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới Tây Nam.*
- Nhóm 2: *Trình bày về cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc.*
- Nhóm 3: *Trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.*

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

- Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và ghi một số thông tin ra giấy.
- Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất nội dung trả lời và cách thức trình bày của nhóm.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi lần lượt đại diện từng nhóm trình bày nội dung đã chuẩn bị trước lớp. Các nhóm HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV đánh giá phần thuyết trình và sản phẩm học tập của từng nhóm. Sau đó, GV chốt lại kiến thức cho HS.

***Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam:*** diễn ra qua hai giai đoạn:

– *Giai đoạn 1* (từ ngày 30 – 4 – 1977 đến ngày 5 – 1 – 1978):

- + Quân Pôn Pốt tấn công dọc tuyến biên giới, tàn sát dân thường,...
- + Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hoà bình.

– *Giai đoạn 2* (từ ngày 6 – 1 – 1978 đến ngày 7 – 1 – 1979):

- + Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 22 – 12 – 1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn công quy mô lớn vào Tây Ninh.

+ Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương.

+ Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Cam-pu-chia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7 – 1 – 1979, Thủ đô Phnôm Pênh (Cam-pu-chia) được hoàn toàn giải phóng.

***Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc***

– Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ Việt Nam – Trung Quốc dần trở nên căng thẳng. Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kỹ thuật và khiêu khích, xâm phạm khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam.

– Sáng ngày 17 – 2 – 1979, hàng chục vạn quân Trung Quốc tấn công dọc tuyến biên giới phía Bắc dài hơn 1 000 km của Việt Nam, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

– Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến diễn ra quyết liệt ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai,... đã làm thất bại mục tiêu “đánh nhanh, thắng nhanh” của quân đội Trung Quốc.

– Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận, Trung Quốc phải tuyên bố rút quân từ ngày 5 – 3 – 1979. Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc tiếp tục căng thẳng kéo dài cho tới cuối năm 1989, đặc biệt là Vị Xuyên (Hà Giang).

### ***Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông***

– Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Ngày 12 – 5 – 1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982, trước khi Công ước chính thức có hiệu lực vào tháng 12 – 1994.

– Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Đồng Nai, nay thuộc tỉnh Khánh Hoà). Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây, Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

– Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như: tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo,...

– Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hoà bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất.

### **3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay**

#### ***a) Mục tiêu***

Nêu được ý nghĩa lịch sử của các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau năm 1975 đến nay.

#### ***b) Tổ chức thực hiện***

##### **\* Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, thực hiện nhiệm vụ:

*Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.*

##### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết của mình để thực hiện nhiệm vụ.

##### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

##### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét và chốt lại kiến thức cho HS về ý nghĩa lịch sử cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay:

– Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

– Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.

– Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

– Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

– Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.

### **4. Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay**

#### ***a) Mục tiêu***

- Nêu được các bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.
- Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

*b) Tổ chức thực hiện*

*\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, khai thác tư liệu và thông tin trong mục để thực hiện các nhiệm vụ:

- *Nêu những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*
- *Phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*

*\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*

- HS khai thác thông tin trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân, thảo luận với bạn để nêu được những bài học lịch sử chính.
- Sau đó, lần lượt phân tích giá trị thực tiễn của những bài học đó.

*\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức*

GV nhận xét, chốt lại các bài học lịch sử và giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay:

- *Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam đã tạo thành sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, đất nước đang tiến hành đổi mới và hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hoá. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống để mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức rõ vai trò của tinh thần và phát huy tinh thần đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam).

- *Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Thực tiễn cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chứng minh: Một dân tộc nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam nhưng lại có thể chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh,... là nhờ sự đoàn kết một lòng của cả dân tộc. Các tổ chức mặt trận đã giữ vai trò to lớn trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy vai trò trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

- *Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn, xuyên suốt trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, trong đó, sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định. Trong bối cảnh hiện nay, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra thế và lực để đất nước ổn định và phát triển. Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cũng cho thấy cần kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đất nước vững mạnh, đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao... là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia sẽ tạo sức mạnh cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước.

– Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục xây dựng và phát triển sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đó là nghệ thuật toàn dân đánh giặc, nghệ thuật tiến công chủ động, kiên quyết, mưu trí, sáng tạo... Trong bối cảnh sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện nay, nghệ thuật quân sự Việt Nam cần tiếp tục phát triển ở trình độ khoa học cao, đồng thời xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và có chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

\* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Em có nhận xét gì các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975?*

*Gợi ý:* Dù là một dân tộc yêu chuộng hoà bình, nhưng trước sự xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện quyền tự vệ chính đáng, sử dụng vũ lực để đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Các cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt, rất nhiều chiến sĩ đã anh dũng hi sinh với quyết tâm không gì thay đổi được: đó là sự toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ của Việt Nam.

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS xâu chuỗi, hệ thống hoá các sự kiện để nhận thức ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**Câu 1.** Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV có thể cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.*

|                                                         | Diễn biến chính | Ý nghĩa |
|---------------------------------------------------------|-----------------|---------|
| Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam  | ?               | ?       |
| Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc | ?               | ?       |
| Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông | ?               | ?       |

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học trong SGK để hoàn thành bảng thống kê.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

**BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẦN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ**

| STT | Nội dung | Đánh giá<br>(Có hoặc Không) |
|-----|----------|-----------------------------|
|-----|----------|-----------------------------|

|   |                                                                                                                                    |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1 | Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.                                                                                             |  |
| 2 | Đúng, đủ tên các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.                                                              |  |
| 3 | Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về diễn biến chính và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. |  |

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các nội dung chính cần thể hiện trong bảng:

Gợi ý:

Thời gian:

Với cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc: thời gian sự kiện bắt đầu diễn ra và kết thúc.

+ Với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông: Cuộc đấu tranh bằng biện pháp hoà bình vẫn luôn diễn ra với các sự kiện chính như: Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (1977); thành lập huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Hoàng Sa (1982), sự kiện Gạc Ma (1988); Luật Biển Việt Nam (2012),...

Diễn biến chính, kết quả.

Ý nghĩa.

**Câu 2.** *Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học trong bài, lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng riêng của mình về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

Từ sơ đồ tư duy và hiểu biết của mình, HS đưa ra được ý kiến và giải thích được: *Bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại kiến thức cho HS:

Về sơ đồ tư duy, phải đảm bảo thể hiện các bài học sau:

Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Về bài học quan trọng nhất, GV kết luận theo hướng mở, điều quan trọng là HS giải thích được lí do vì sao lại lựa chọn bài học đó.

Ví dụ: Lựa chọn bài học: Cùng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Lí do: Trong các cuộc kháng chiến, chính sự đoàn kết một lòng của toàn dân tộc đã giúp chúng ta đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất với trang bị vũ khí hiện đại nhất.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, những bài học lịch sử về cùng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân,... vẫn giữ nguyên giá trị. Cốt lõi và chiều sâu của

bài học lịch sử này là sự kiên định, sáng tạo trong thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi đây chính là nhu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ bao trùm, xuyên suốt, nhất quán có tính “sống còn” của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, trong đó sức mạnh dân tộc – sức mạnh nội lực vẫn phải là chủ yếu.

## **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

### *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS vận dụng kiến thức đã học, kĩ năng sưu tầm và xử lí tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau để thiết kế một bài viết theo cách riêng của mình.

### *Tổ chức thực hiện*

#### **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện câu hỏi phần Vận dụng:

**Câu 1.** *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu ngắn gọn về một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.*

**Câu 2.** *Vận dụng kiến thức đã học, hãy phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*

#### **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS dựa vào kiến thức đã học, tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ: có thể giới thiệu cuộc đấu tranh trên quy mô lớn hoặc cuộc đấu tranh ở một địa phương. Ví dụ: HS có thể sưu tầm tư liệu, trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc tại mặt trận Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng,... hoặc cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới phía Nam trên địa bàn tỉnh An Giang,...

HS có thể lồng ghép thực hiện cả hai nhiệm vụ vào một bài giới thiệu.

HS báo cáo kết quả thực hiện có thể theo một hình thức tùy chọn: bài báo cáo, thuyết trình, clip,...

#### **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS nộp lại bài giới thiệu vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

#### **\* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV nhận xét và chốt lại nội dung chính theo hướng mở.

### *Gợi ý:*

Bài giới thiệu trình bày theo dàn ý sau:

Những nét chính về bối cảnh, nội dung, kết quả và ý nghĩa của sự kiện.

Lựa chọn phân tích một trong các bài học theo gợi ý: Bài học đó là gì? Ngày nay, có thể vận dụng bài học đó trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ra sao? Cần làm gì để phát huy bài học đó một cách hiệu quả?...

## THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 3

## I, MỤC TIÊU

– Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

NỘI DUNG: GV nhắc lại nội dung đã giao về nhà

– HS dựa và kiến thức đã học, tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ: có thể giới thiệu cuộc đấu tranh trên quy mô lớn hoặc cuộc đấu tranh ở một địa phương. Ví dụ: HS có thể sưu tầm tư liệu, trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc tại mặt trận Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng,... hoặc cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới phía Nam trên địa bàn tỉnh An Giang,...

– GV mời đại diện lên trình bày (NHÓM 1,2 TRÌNH BÀY TIẾT 1- NHÓM 3,4 TRÌNH BÀY TIẾT 2)

- Các thành viên, đại diện các nhóm lên trình bày
- GV nhận xét,